CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng số 5

Ngày 31/12/2025	15,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.6%	**-4.6%**	**-6.3%**

DT thuần
Q4/25
999
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 445| 80.3%
YoY: ▲ 84.0| 9.2%

LN thuần
Q4/25
25.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.7| 244%
YoY: ▲ 1.90| 8.4%

LN sau thuế
Q4/25
19.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.9| 239%
YoY: ▲ 6.00| 44.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.0%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE
2025
10.2%
YoY: +/-▲ 0.2%

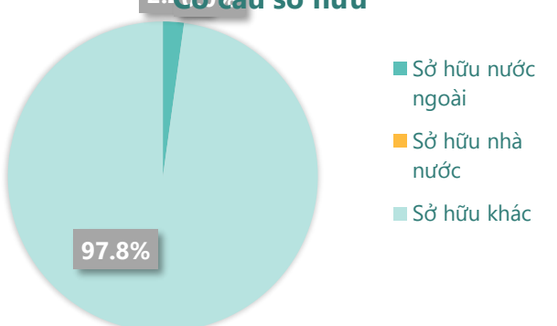
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,100 - 22,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	232
Số lượng CPLH (CP)	14,983,499
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,455
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	0.14
EPS	2,744
P/E	5.6

DT thuần
2025
2,504
tỷ VNĐ
YoY: ▼253| -9.2%

LN thuần
2025
52.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.10| -0.2%

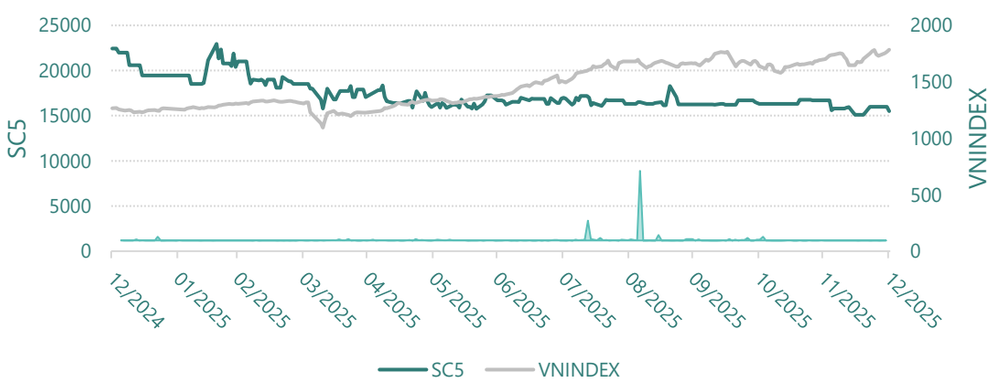
LN sau thuế
2025
41.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.10| 11.0%

Cơ cấu sở hữu

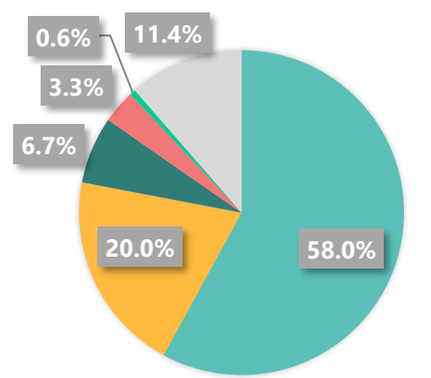


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



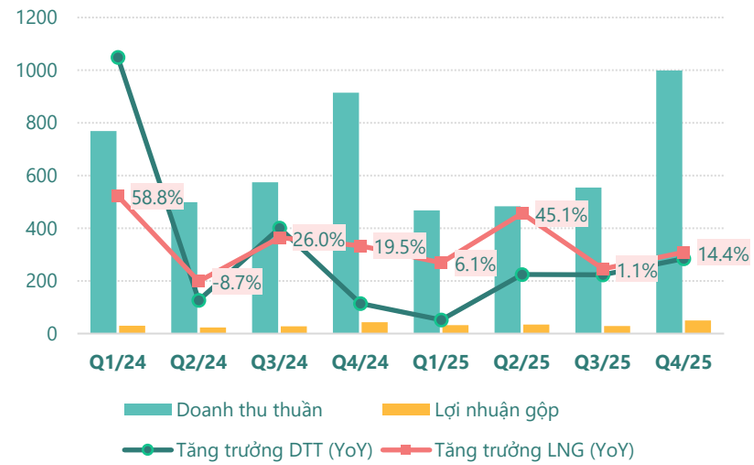
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

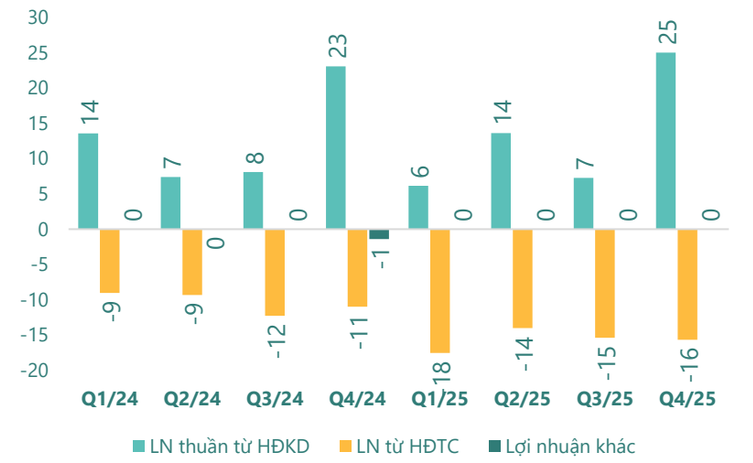
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



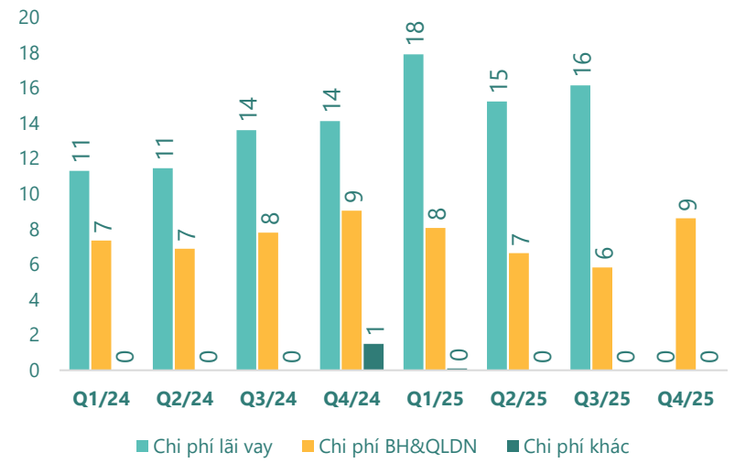
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



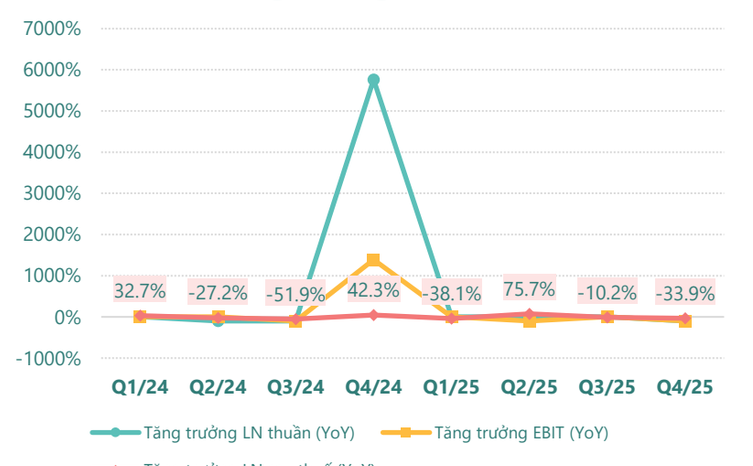
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



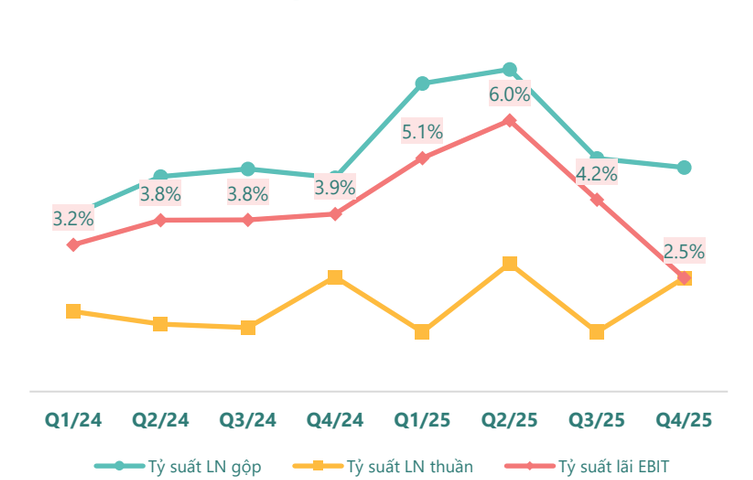
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



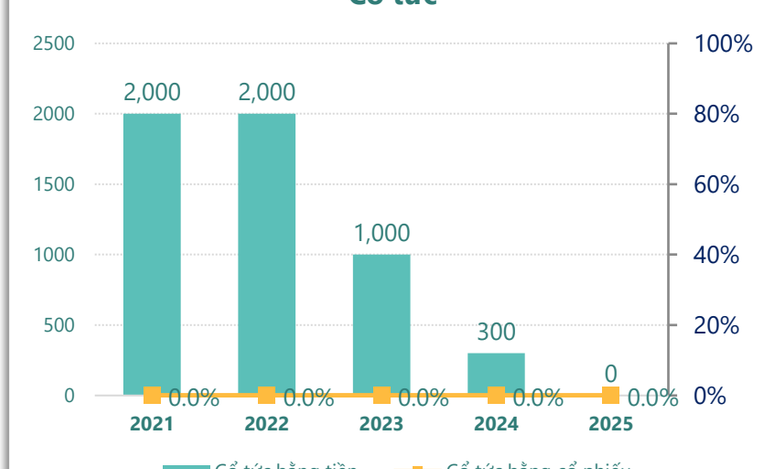
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

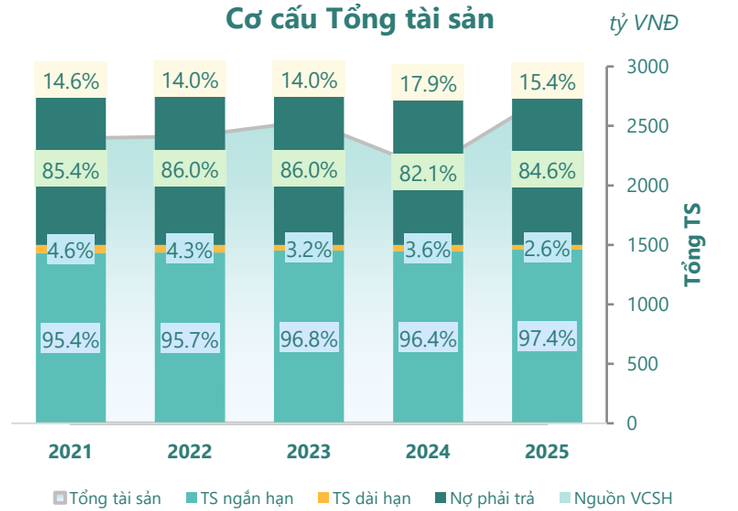
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

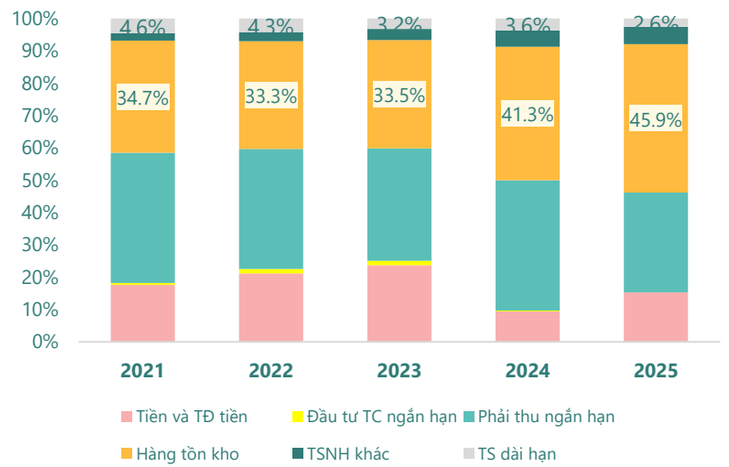
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



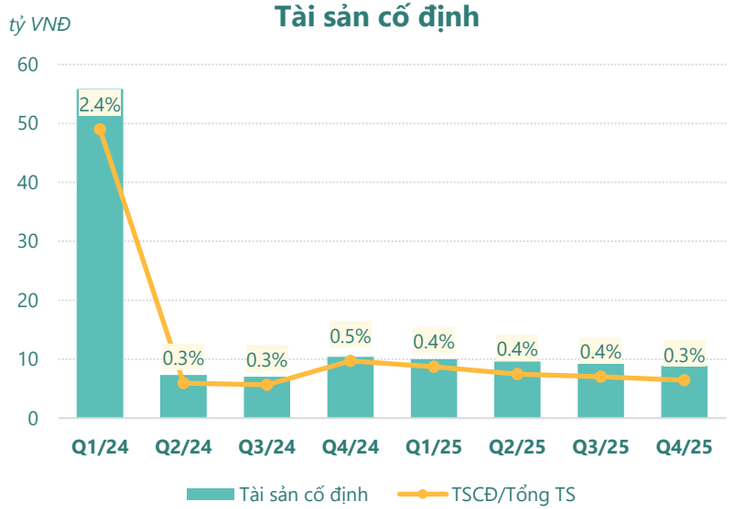
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



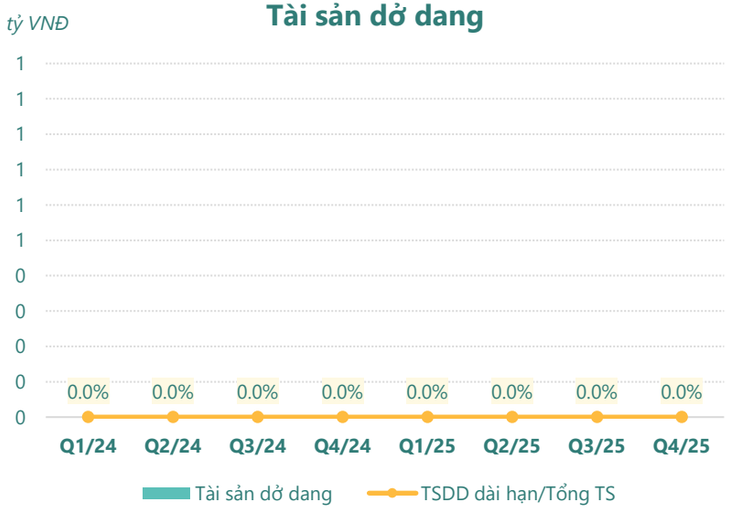
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



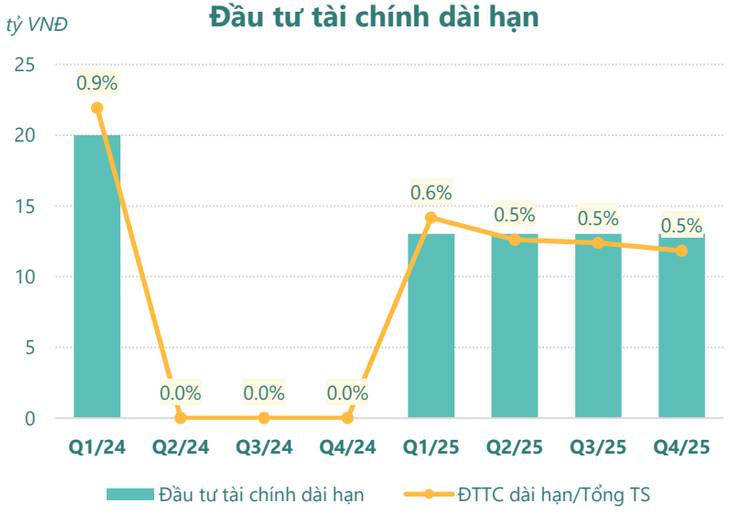
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



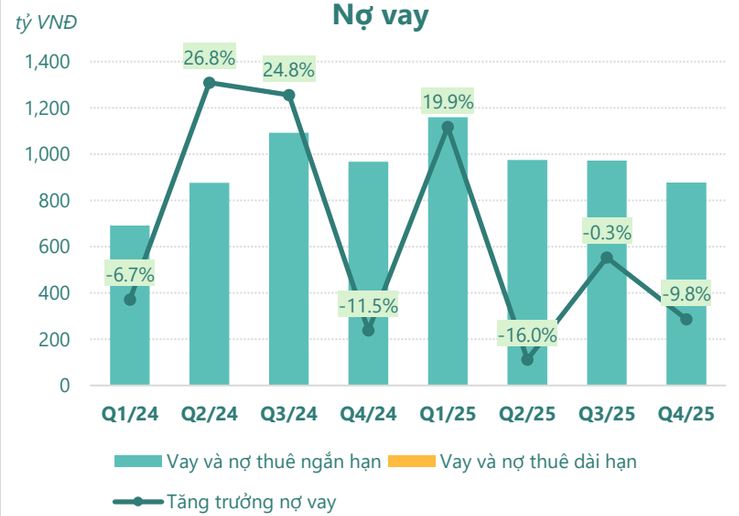
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

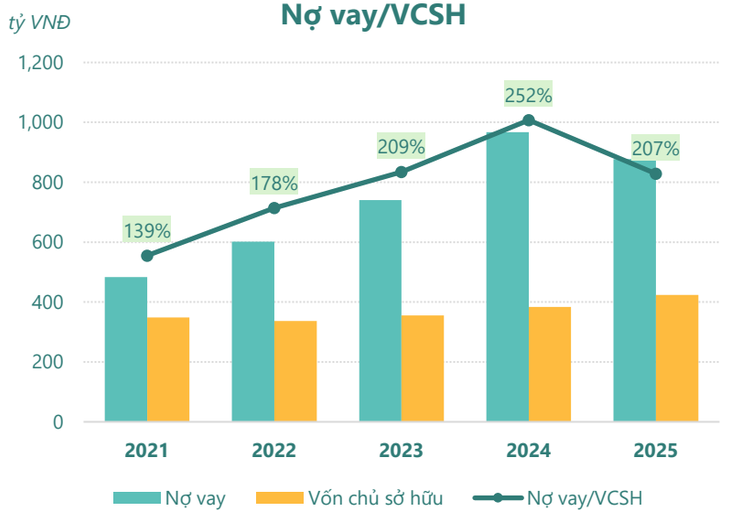
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

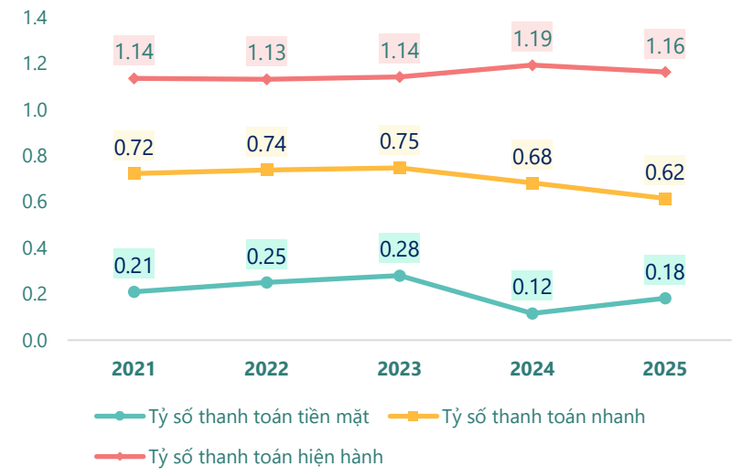
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



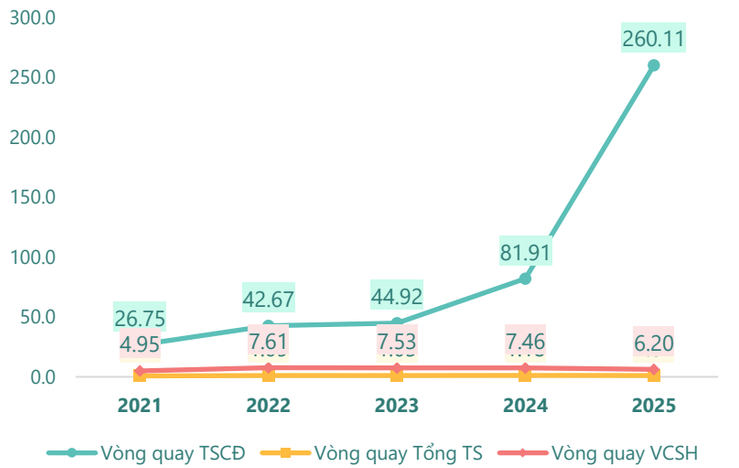
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



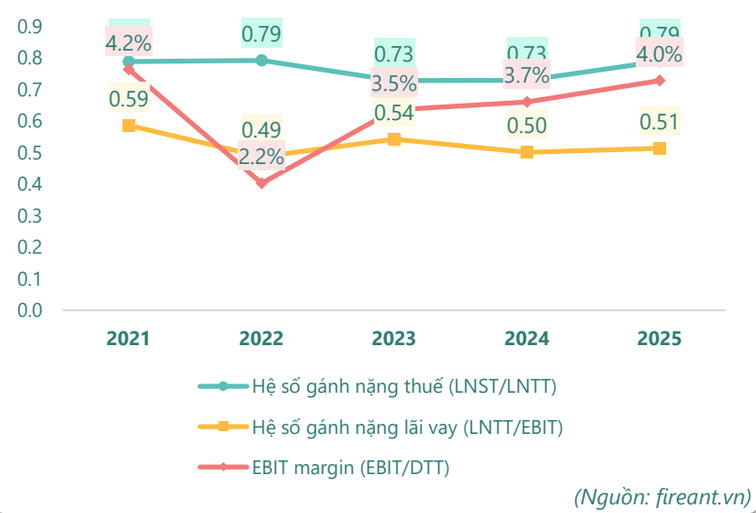
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



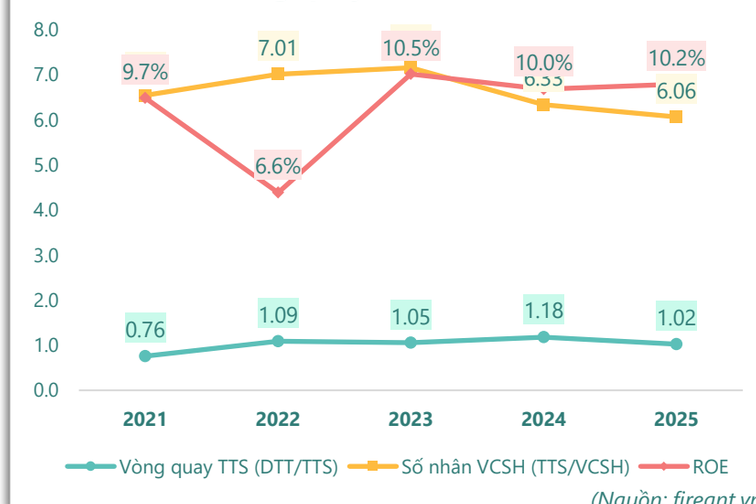
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



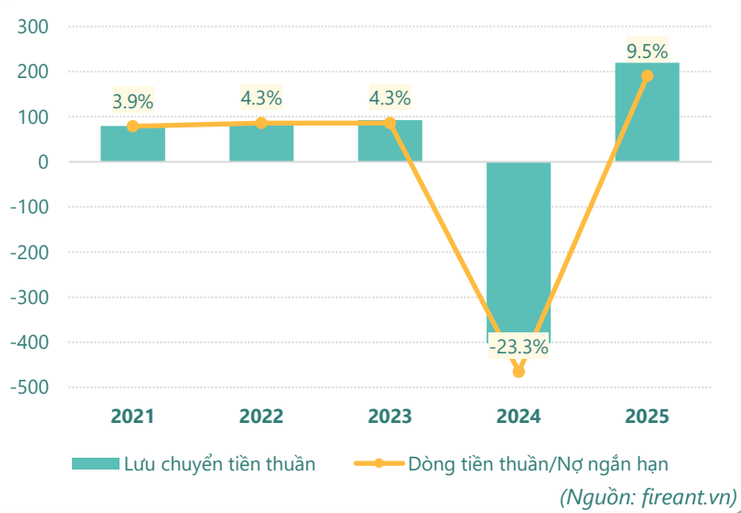
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**999**	**915**	**9.2%**	**2,504**	**2,757**	**-9.2%**
Giá vốn hàng bán	950	872	8.9%	2,360	2,632	-10.3%
Lợi nhuận gộp	49.3	43.1	14.4%	144	125	15.2%
Doanh thu HĐTC	1.77	3.11	-43.0%	4.10	8.83	-53.6%
Chi phí TC	17.4	14.1	23.7%	66.7	50.5	32.2%
Chi phí lãi vay	0	14.1	-100%	49.3	50.5	-2.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.14	-100%	0.07	0.82	-91.2%
Chi phí QLDN	**8.62**	**8.90**	**-3.1%**	**29.1**	**30.3**	**-3.9%**
LN thuần từ HĐKD	25.0	23.1	8.4%	52.1	52.2	-0.2%
Lợi nhuận khác	**0**	**-1.39**	**100%**	**0.02**	**-1.40**	**101%**
LN trước thuế	25.0	21.7	15.4%	52.1	50.8	2.6%
Lợi nhuận sau thuế	**19.7**	**13.7**	**44.1%**	**41.1**	**37.0**	**11.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.7**	**13.7**	**44.1%**	**41.1**	**37.0**	**11.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-292	55.4	-285	262	79.3	243
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.66	-0.67	0.35	1.20	0.78	9.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	213	-126	192	-186	-2.46	-95.0
Tiền đầu kỳ	344	271	201	108	186	263
Lưu chuyển tiền thuần	**-72.3**	**-70.8**	**-92.3**	**77.4**	**77.7**	**157**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	271	201	108	186	263	420

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,753**	**2,141**	**28.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,681	2,063	29.9%
Tiền và tương đương tiền	420	201	110%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	7.31	-100%
Phải thu ngắn hạn	851	862	-1.3%
Hàng tồn kho	1,263	884	42.9%
Tài sản ngắn hạn khác	146	109	34.1%
Tài sản dài hạn	**72.3**	**78.1**	**-7.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.87	10.4	-14.5%
Bất động sản đầu tư	43.3	46.1	-6.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	13.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.06**	**8.54**	**-17.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,330	1,757	32.6%
Nợ ngắn hạn	**2,305**	**1,729**	**33.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	877	967	-9.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	517	489	5.7%
Nợ dài hạn	25.0	28.3	-11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**423**	**384**	**10.2%**
Vốn chủ sở hữu	**423**	**384**	**10.2%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)